

Bản án số: 70/2018/DS-PT

Ngày: 06-6-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Thiện Kế

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũ

Ông Nguyễn Văn Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐ-PT, ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Ngọc H.

Địa chỉ: ấp 1, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc K, địa chỉ: ấp B, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2017 – vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Tài N (có mặt).

2.2. Bà Quách Thị Đ (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 1, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Quách Thị Đ: Luật sư Phạm Văn H – Văn phòng luật sư Phạm Văn H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng – có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị N; Địa chỉ: ấp V, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Người làm chứng: Bà Đặng Thị H, địa chỉ: ấp 1, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Quách Thị Đ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2017 nguyên đơn bà Lâm Ngọc H và người đại diện của nguyên đơn là bà Phạm Ngọc K trình bày:* Do có quen biết với nhau nên bà H có cho bị đơn Quách Thị Đ vay tiền, các lần vay cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 17/6/2016 al (nhằm ngày 20/7/2016 dl) vay 45.000.000 đồng có viết biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng; Lần thứ hai vào ngày 19/6/2016 al (nhằm ngày 22/7/2016 dl) vay 100.000.000 đồng có viết biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng; Lần thứ ba vào ngày 22/6/2016 al (nhằm ngày 25/7/2016 dl) vay 30.000.000 đồng có viết biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng.

Khi vay không có thỏa thuận thời gian trả vốn, còn lãi suất thỏa thuận trả hàng tháng, từ khi vay đến nay bị đơn Đ không trả vốn và lãi cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn bà Lâm Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn Quách Thị Đ và Phạm Tài N trả vốn vay 175.000.000 đồng và lãi suất theo qui định của Nhà nước từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn Quách Thị Đ trình bày:* Bị đơn có dẫn em của bị đơn là Tô Thị N đến vay tiền của bà H vào năm 2011 vay 04 lần: Lần đầu vay 45.000.000 đồng; lần thứ hai vay 30.000.000 đồng; lần thứ ba vay 10.000.000 đồng; lần thứ tư vay 100.000.000 đồng, các lần vay ngày tháng không nhớ, khi vay không làm giấy tờ, thỏa thuận vay 03 lần đầu lãi suất là 4%/tháng, lần vay thứ tư thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng, 3 lần vay đầu sau 03 tháng thì chuyển qua lãi suất 3,5%/tháng. Khi vay bị đơn là người trực tiếp nhận tiền vay, tiền lãi đóng mỗi tháng 6.700.000 đồng từ cuối năm 2011 đến tháng 5 năm 2017, vốn đã trả được 30.000.000 đồng, các lần đóng lãi cũng như trả vốn không làm giấy tờ, trả vốn và đóng lãi là do Đặng Thị H cháu của bị đơn trả.

Theo 03 biên nhận do nguyên đơn H cung cấp gồm: Biên nhận ngày 17/6/2016 al vay 45.000.000 đồng; Biên nhận ngày 19/6/2016 al vay 100.000.000 đồng và Biên nhận ngày 22/6/2016 al vay 30.000.000 đồng là chữ viết và chữ ký của bị đơn. Ba biên nhận này là do nguyên đơn H yêu cầu bị đơn viết lại từ 04 biên nhận năm 2012, 04 biên nhận năm 2012 tổng số tiền là 185.000.000 đồng, khi viết lại 03 biên nhận vào năm 2016 còn lại là 175.000.000 đồng do đóng lời dư qua vốn 10.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý trả vốn vay 175.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn vì số tiền này bị đơn vay giùm cho Tô Thị N.

Ngày 16/11/2017 bị đơn Quách Thị Đ có đơn phản tố yêu cầu bà Tô Thị N trả lại 185.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/12/2016 al cho bà H. Đến ngày 06/3/2018 bị đơn Quách Thị Đ rút lại yêu cầu phản tố đối với bà Tô Thị N.

*Bị đơn Phạm Tài N trình bày:* Bị đơn có biết việc vợ là Quách Thị Đ vay tiền giùm cho bà N, tiền vay này không có sử dụng trong gia đình nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Thị N trình bày:* Tôi có bà con cô cậu với bà Đ, còn bà H không có bà con nhưng có quen biết, tôi có vay tiền của bà H do bà Đ dẫn lại nhà bà H vay vào năm 2011, vay 04 lần: Lần thứ nhất vay 45.000.000 đồng; lần thứ hai vay 30.000.000 đồng; lần thứ ba vay 10.000.000 đồng; lần thứ tư vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 185.000.000 đồng các lần vay không làm giấy tờ, không nhớ ngày tháng vay, bà Đ là người ký giấy tờ, lúc đầu thỏa thuận lãi suất là

4%/tháng, đến khi vay 100.000.000 đồng thì bà H tính lãi 3,5%/tháng, khi vay không thỏa thuận thời gian trả, đến đầu năm 2016 trả vốn được 70.000.000 đồng còn lãi đóng đầy đủ, các lần trả không có làm giấy tờ, khi nào bà H điện thoại yêu cầu đóng lãi trả vốn thì tôi gửi tiền cho bà Đ chứ tôi không trực tiếp trả cho bà H, các lần gửi tiền cho bà Đ không có làm giấy tờ. Vào năm 2016 có trả lãi nhưng không nhớ bao nhiêu, đến năm 2017 tôi gửi trả vốn 30.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý cho là trả lãi. Các lần trả vốn và lãi đều không có làm giấy tờ. Hiện nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Đ trả vốn vay 175.000.000 đồng và lãi suất theo Nhà nước qui định từ khi vay đến nay còn bà Đ yêu cầu tôi trả 185.000.000 đồng tôi không đồng ý vì từ khi vay đến nay tôi đã trả lãi và vốn cho bà H gần 500.000.000 đồng, nên tôi chỉ đồng ý trả thêm 40.000.000 đồng và trả làm nhiều lần.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 12/2018/DS-ST, ngày 28/3/2018 đã quyết định: Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Ngọc H.

1. Buộc bị đơn Quách Thị Đ trả vốn vay và lãi suất tổng cộng là: 233.681.000 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu sáu trăm tám mươi một ngàn đồng) cho nguyên đơn Lâm Ngọc H. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Quách Thị Đ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Thị N. Hoàn trả cho bị đơn Đ 4.625.000 đồng (bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006097 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2018 bị đơn bà Quách Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng loại trừ nghĩa vụ của bà đối với bà Lâm Ngọc H, buộc bà Tô Thị N có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày đối với hợp đồng vay tài sản này thì phía bà Đ không có nhận tiền, từ cấp sơ thẩm đến nay bà N cũng thừa nhận là bà N nhận tiền, bà Đ chỉ là người bảo lãnh cho bà N nên nghĩa vụ trả tiền bà H là của bà N, nếu trường hợp bà N không có khả năng trả nợ thì bà Đ mới là người đứng ra trả nợ. Do đó, tôi yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng buộc bà N trả tiền cho bà H, nếu trường hợp yêu cầu kháng cáo của bà Đ không được chấp nhận thì yêu cầu Hội đồng xét xử cho quyền bị đơn khởi kiện thành một vụ án khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Quách Thị Đ cho rằng bà với bà N là bà con với nhau, bà N có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên có nhờ bà chỉ người để vay tiền, vì vậy bà có dẫn bà N đến gặp bà H để vay tiền. Việc bà viết biên nhận nhận tiền là do bà H không quen biết bà N nên bà viết thì bà H mới cho bà N vay. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H không thừa nhận lời trình bày này của bà Đ vì bà H cho rằng bà cho bà Đ vay tiền, bà Đ là người trực tiếp nhận tiền vay và viết biên nhận vay tiền. Đồng thời, bà Đ cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các tờ biên nhận vay tiền lập ngày 17/6/2016, ngày 19/6/2016, ngày 22/6/2016 âm lịch là của bà và bà cũng là người trực tiếp nhận tiền vay và giao lại cho bà N có mặt bà H (BL số 93), đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Quách Thị Đ trả vốn vay và lãi suất cho bà Lâm Ngọc H tổng cộng là 233.681.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng bà N là người nhận tiền tại nhà bà H, bà N cũng thừa nhận sự việc này và khi vay tiền bà N cũng có đóng lãi đầy đủ cho bà H. Tuy nhiên, đó cũng chỉ là lời trình bày của bà Đ và bà N. Việc bà N có nhận tiền hay việc bà N đóng lãi cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Bà H thì không thừa nhận lời trình bày của bà Đ, bà N. Do đó, kháng cáo của bà Đ yêu cầu loại trừ nghĩa vụ của bà đối với bà Lâm Ngọc H, buộc bà Tô Thị N có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho bà H là không có căn cứ chấp nhận. Đối với phần tiền bà Đ mượn giùm bà N, nếu có căn cứ thì bà Đ có quyền khởi kiện vụ kiện khác.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ngoài lời trình bày thì bà Đ không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó kháng cáo của bà Đ là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng án sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc H buộc bị đơn Quách Thị Đ trả vốn vay và lãi suất tổng cộng là 233.681.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Cho nên, toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Quách Thị Đ là không có cơ sở chấp nhận, đồng thời lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo của bị đơn bà Quách Thị Đ không được chấp nhận nên người kháng cáo bà Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Quách Thị Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sóc Trăng như sau:

*Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Ngọc H.*

*- Buộc bị đơn Quách Thị Đ trả vốn vay và lãi suất tổng cộng là: 233.681.000 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu sáu trăm tám mươi một ngàn đồng) cho nguyên đơn Lâm Ngọc H. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

*- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Quách Thị Đ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Thị N. Hoàn trả cho bị đơn Đ 4.625.000 đồng (bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006097 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.*

*- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Quách Thị Đ phải nộp 11.684.000 đồng (mười một triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng), hoàn trả cho nguyên đơn Lâm Ngọc H 4.375.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006075 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.*

2/. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Quách Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0009179 ngày 10/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sóc Trăng. Bà Quách Thị Đ đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3/. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án*

*theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Mai Thiện Kế**